

Số: 31 /2021/HNGĐ-ST.  
Ngày 28-6-2021

*V/v Tranh chấp hôn nhân và  
gia đình.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HÒA, TỈNH PHÚ THỌ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lạc.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Tiệm

2. Ông Vũ Thành Dũng

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi thị Duyên là thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa:**  
Bà Đinh Phương Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

1- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Phương L, sinh năm 1987

Địa chỉ: SN 179A, thôn K, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng

2- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến H, sinh năm 1986

Địa chỉ: Khu 2 xã V, huyện H, tỉnh Phú thọ

( Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh H vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, lời khai tại Tòa án, chị Trần thị Phương L trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Tiến H vào ngày 21/12/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn vợ chồng ở cùng với gia đình anh H tại xã M, huyện H ( nay là xã V ) và cùng lao động tự do. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh H.

Về con chung: Xác định vợ chồng có 02 con chung: Cháu Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 05/01/2009 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2016. Ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: chị L xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng anh H không có mặt làm việc. Bà Lê Thị L là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến H cho biết: Anh H, chị L kết hôn năm 2007, đăng ký tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau kết hôn vợ chồng ở cùng với gia đình được một thời gian sau đó về quê chị L ở Lâm Đồng sinh sống. Trong thời gian chung sống vợ chồng có những bất đồng quan điểm nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Hai bên gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay anh H đang đi làm ăn ở Quảng ninh và Hải Phòng, bà cũng không biết địa chỉ cụ thể, chỉ liên lạc với anh H qua điện thoại. Khoảng 3 năm nay vợ chồng anh chị sống ly thân mỗi người một nơi. Nay chị L xin ly hôn, đại diện gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L. Đối với anh H, gia đình cũng đã thông báo cho anh H được biết việc chị L xin ly hôn. Quan điểm của anh H cũng nhất trí ly hôn. Đối với con chung, nguyện vọng của anh H muốn được nuôi dưỡng cháu T bởi vì hiện cháu T đang ở cùng anh và ông bà nội. Bà L nhận thay anh H các văn bản tố tụng của Tòa án. Hiện anh H đang đi làm ăn xa không có điều kiện đến Tòa án để giải quyết. Quan điểm của anh H nhất trí ly hôn và nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX xử cho chị L được ly hôn anh H. Giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2016; giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 05/01/2009 kể từ tháng 07/2021 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Chị L, anh H đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

Về án phí LHST: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về tố tụng: TAND huyện Hạ Hòa đã thụ lý vụ án và tiến hành triệu tập đương sự đến làm việc, tổ chức phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tiến hành thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật, tuy nhiên chị L có mặt, anh H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập và thông báo hợp lệ. Anh H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, chị L có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 – BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh H kết hôn ngày 21/12/2007, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng ở chung với gia đình anh H một thời gian sau đó hai vợ chồng về quê của chị L sinh sống và làm ăn. Theo chị L trình bày thì năm 2019 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn trầm trọng nên từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L xin được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống. Quá trình giải quyết vụ án anh H đều vắng mặt. Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương, đại diện UBND xã V cho biết do vợ chồng chị L, anh H không sinh sống tại địa phương nên việc anh chị mâu thuẫn như thế nào địa phương không được biết. Đề nghị Tòa án căn cứ thực tế tình trạng của vợ chồng để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên đương sự và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ và trẻ em. Đại diện gia đình, bà Lê Thị L là mẹ đẻ anh H xác định vợ chồng chị L, anh H do bất đồng quan điểm nên dẫn đến mâu thuẫn. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị L xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị L. Tòa án tổ chức các phiên họp và hòa giải anh H đều được biết nhưng không có mặt. Thông qua đại diện gia đình, anh H cũng nhất trí ly hôn. Điều đó chứng tỏ giữa hai vợ chồng cũng đã có những mâu thuẫn không thể hòa giải, vợ chồng cũng đã sống ly thân trong khoảng thời gian dài. Từ những căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh H là trầm trọng, thực tế cuộc sống chung vợ chồng không còn tồn tại, không thể kéo dài đời sống chung như hiện nay khi mục đích hôn nhân không đạt được, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và cần xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Xác định chị L, anh H có hai con chung là cháu Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 05/01/2009 và cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2016. Hiện cháu T đang ở với anh H và ông bà nội tại xã V, huyện H,

còn cháu D đang ở với chị L. Ly hôn, chị L xin được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Thông qua đại diện gia đình, anh H cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Xét thấy, sau ly hôn các đương sự đều xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là chính đáng. Hiện cháu T đã có cuộc sống ổn định tại xã V, hơn nữa nguyện vọng của cháu T vẫn mong muốn được ở với anh H và ông bà nội. Tuy anh H vắng mặt tại phiên tòa nhưng không phải trong trường hợp không thể liên lạc được. Mặt khác, chị L hiện cũng đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Do vậy cần giao chị L nuôi dưỡng cháu D, anh H nuôi dưỡng cháu T kể từ tháng 07/2021 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Các bên đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

[5] Về án phí LHST: Chị L phải chịu 300.000đ ( Xác nhận đã nộp )

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 điều 56, điều 57, 58,81,82,83 – Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 – BLTTDS; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Phương L được ly hôn anh Nguyễn Tiến H.

2- Về con chung: Xử giao chị Trần Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tiến D, sinh ngày 22/6/2016; anh Nguyễn Tiến H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 05/01/2009 kể từ tháng 07/2021 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị L, anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị L, anh H và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh chị thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3 - Về tài sản chung, công nợ, tài sản cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Nếu sau ly hôn các bên có tranh chấp và có yêu cầu thì Tòa án sẽ giải quyết bằng một án dân sự khác.

4- Về án phí LHST: Chị Trần Thị Phương phải chịu 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng ) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/0002636 ngày 23/3/2021 tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa ( Xác nhận đã nộp).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, chị L có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm. Anh H có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú Thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã H, huyện H, T.Lâm Đồng;
- CCTHADS Huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS-VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Đã ký***

**Nguyễn Thị Lạc**